

Số : 673/QĐ - ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2025 - 2026 cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP của Chính phủ ngày 4/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTTĐHYD ngày 14/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ kết luận của Hội đồng học xét chế độ chính sách cho sinh viên ngày 03/4/2026;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2025 - 2026 cho 644 sinh viên với tổng số tiền là 537.840.000 đồng (Năm trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Mức trợ cấp 140.000 đồng/tháng: 631 sinh viên.
- Mức trợ cấp 100.000 đồng/tháng: 13 sinh viên

(Có danh sách chi tiết đính kèm)

Điều 2. Thời gian hưởng: 6 tháng

Các khóa từ năm thứ 2 trở đi hưởng từ tháng 2/2026 đến tháng 7/2026.

Các khóa năm thứ nhất gồm: Y khoa K58; YHDP K19; RHM K18; Dược K21; CNĐD K22; XNYH K9; HAYH K2; Hộ sinh K5 hưởng từ tháng 3/2026 đến tháng 7/2026.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý người học, phòng Tài chính - Cơ sở vật chất, các phòng chức năng có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thi hành);
- Đăng Website Trường;
- Lưu VT, QLNH, MC.



PGS. TS. Trần Văn Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN
HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Theo Quyết định số: 673 /QĐ - ĐHYD ngày 08 tháng 4 năm 2026)

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
1	DTY2257203010037	Hoàng Thị Diễm	CNDD K19A	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
2	DTY2257203010065	Lường Thị Mai Hiên	CNDD K19A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
3	DTY2157202310916	Già Y Lý	CNDD K19A	H'mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
4	DTY2257203010165	Dương Thị Nhuận	CNDD K19A	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
5	DTY2257203010201	Phạm Thị Thảo	CNDD K19A	Tày - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
6	DTY2257203010207	Lương Diệu Thi	CNDD K19A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
7	DTY2257203010026	Lù Đức Bằng	CNDD K19B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
8	DTY2257203010036	Xu Sơn Dê	CNDD K19B	Hà Nhi - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
9	DTY2257203010038	Nguyễn Phương Diễm	CNDD K19B	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
10	DTY2257203010060	Ma Thị Bích Hạnh	CNDD K19B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
11	DTY2257203010082	Hà Thị Mai Hương	CNDD K19B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
12	DTY2257203010136	Hạng Thị Mây	CNDD K19B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
13	DTY2257203010172	Vàng Thị Phú	CNDD K19B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
14	DTY2257203010260	Ma Thị Xiêm	CNDD K19B	SV nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3.08
15	DTY2257203010147	Hoàng Thảo Ngân	CNDD K19C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
16	DTY2257203010168	Lò Phương Oanh	CNDD K19C	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
17	DTY2257203010255	Nông Bạch Tuyết	CNDD K19C	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
18	DTY2257203010203	Thạch Thị Phương Thảo	CNDD K19C	SV nghèo vượt khó	100.000	6	600.000	3.38

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
19	DTY2257203010208	Triệu Thị Hồng Thi	CNDD K19C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
20	DTY2257203010263	Nông Thị Xuân	CNDD K19C	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
21	DTY2357203010034	Lò Thị Nhật Ánh	CNDD K20A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
22	DTY2357203010052	Lò Văn Đông	CNDD K20A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
23	DTY2357203010262	Đặng Thị Thoa	CNDD K20A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
24	DTY2357203010304	Hoàng Hải Yên	CNDD K20A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
25	DTY2357203010307	Tông Thị Yên	CNDD K20A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
26	DTY2357203010110	Nông Triệu Thu Hoài	CNDD K20B	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
27	DTY2357203010113	Lò Thị Hồng	CNDD K20B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
28	DTY2357202310221	Hờ Thị Nung	CNDD K20B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
29	DTY2357203010245	Lý Y Sênh	CNDD K20B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
30	DTY2357203010263	Bùi Thị Thu	CNDD K20B	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
31	DTY2357203010275	Ma Thị Thu Thùy	CNDD K20B	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
32	DTY2357203010302	Hoàng Thị Xuyên	CNDD K20B	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
33	DTY2357203010036	Trương Thị Ánh	CNDD K20C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
34	DTY2357203010048	Bùi Thị Thu Diệp	CNDD K20C	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
35	DTY2357203010054	Thào Thị Dừa	CNDD K20C	H'mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
36	DTY2357203010051	Nông Thị Diệp	CNDD K20C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
37	DTY2357203010096	Hà Thị Thanh Hiền	CNDD K20C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
38	DTY2357203010165	Nguyễn Thị Phương Linh	CNDD K20C	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
39	DTY2357203010180	Hoàng Thị Tuyết Mai	CNDD K20C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
40	DTY2357203010288	Sùng A Tùng	CNDD K20C	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
41	DTY2357203010291	Lò Thị Kim Tuyết	CNDD K20C	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
42	DTY2357203010282	Nguyễn Thị Thu Trang	CNDD K20C	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
43	DTY2357203010294	Giàng Thị Vân	CNDD K20C	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
44	DTY2457203010043	Lý Quốc Chung	CNDD K21A	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
45	DTY2457203010208	Hờ Thị Nhia	CNDD K21A	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
46	DTY2457203010220	Giàng Thị Phi	CNDD K21A	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
47	DTY2457203010226	Hoàng Thị Minh Phương	CNDD K21A	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
48	DTY2457203010244	Vàng Thị Sông	CNDD K21A	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
49	DTY2457203010277	Lương Đỗ Minh Thuận	CNDD K21A	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
50	DTY2457203010295	Đình Thùy Trang	CNDD K21A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
51	DTY2457203010044	Sùng Thị Cồng	CNDD K21B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
52	DTY2457203010056	Lê Thị Mỹ Duyên	CNDD K21B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
53	DTY2457203010059	Lò Thị Giang	CNDD K21B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
54	DTY2457203010098	Nông Minh Hoàng	CNDD K21B	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
55	DTY2457203010251	Lò Đức Thành	CNDD K21B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
56	DTY2457203010063	Bùi Thị Thu Hà	CNDD K21C	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
57	DTY2457203010114	Lường Văn Huy	CNDD K21C	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
58	DTY2457203010282	Hoàng Thị Thanh Thúy	CNDD K21C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
59	DTY2457203010321	Đặng Thị Viên	CNDD K21C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
60	DTY2457203010123	Vũ Thanh Huyền	CNDD K21D	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
61	DTY2457203010159	Lò Thị Kiều Loan	CNDD K21D	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
62	DTY2457203010165	Trần Thị Khánh Ly	CNDD K21D	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
63	DTY2457203010233	Bàn Mùi Pú	CNDD K21D	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
64	DTY2457203010289	Hoàng Mai Thuyền	CNDD K21D	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
65	DTY2457203010324	Lường Hải	Yên	CNDD K21D	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
66	DTY2557203010010	Lư Nguyễn Mai	Anh	CNDD K22A	Tây - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
67	DTY2557203010040	Hoàng Diệu	Châu	CNDD K22A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
68	DTY2557203010061	Mùa Thị	Dua	CNDD K22A	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
69	DTY2557203010085	Quan Việt	Hà	CNDD K22A	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
70	DTY2557203010169	Nông Thị Thảo	My	CNDD K22A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
71	DTY2557203010175	Hoàng Hải	Ngân	CNDD K22A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
72	DTY2557203010193	Ngọc Thị	Nhàn	CNDD K22A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
73	DTY2557203010238	Hoàng Thanh	Thùy	CNDD K22A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
74	DTY2557203010050	Triệu Thị	Chín	CNDD K22B	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
75	DTY2557203010056	Âu Thị Bích	Diệp	CNDD K22B	Cao lan - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
76	DTY2557203010164	Đình Thùy	Mây	CNDD K22B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
77	DTY2557203010206	Nông Thị	Phường	CNDD K22B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
78	DTY2557203010218	Nông Như	Quỳnh	CNDD K22B	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
79	DTY2557203010236	Trịnh Thị Thu	Thùy	CNDD K22B	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
80	DTY2557203010245	Hà Thị Hương	Trà	CNDD K22B	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
81	DTY2557203010006	Hà Hoàng	Anh	CNDD K22C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
82	DTY2557203010057	Bé Thị	Diệp	CNDD K22C	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
83	DTY2557203010105	Vương Thị Thu	Hiền	CNDD K22C	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
84	DTY2557203010111	Ma Hạnh Kim	Huệ	CNDD K22C	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
85	DTY2557203010138	Đoàn Trường	Lâm	CNDD K22C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
86	DTY2557203010162	Thào Thị	Mái	CNDD K22C	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
87	DTY2557203010231	Lâu Thị	Tho	CNDD K22C	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
88	DTY2257203020005	Vi Thị Dự	Hệ sinh K2	Thái - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
89	DTY2457203020015	Thào Thị Giồng	Hệ sinh K4	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
90	DTY2457203020021	Vi Thị Hòa	Hệ sinh K4	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
91	DTY2457203020019	Giảng Thị Phương Hiền	Hệ sinh K4	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
92	DTY2457203020022	Tấn Thanh Hồng	Hệ sinh K4	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
93	DTY2557203020012	Nông Thùy Dung	Hệ sinh K5	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
94	DTY2557203020042	Nguyễn Thu Luận	Hệ sinh K5	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
95	DTY2557203020053	Lương Thị Uyên Nhi	Hệ sinh K5	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
96	DTY2557203020048	Lò Thị Nghiệp	Hệ sinh K5	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
97	DTY2557203020070	Đào Thị Hải Yến	Hệ sinh K5	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
98	DTY2457206030006	Hà Thị Huyền Châu	PHCN K1	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
99	DTY2457206030059	Nguyễn Lại Thanh Trà	PHCN K1	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
100	DTY2557206030040	Lò Lệ Na	PHCN K2	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
101	DTY2557206030066	Nguyễn Thị Trang	PHCN K2	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
102	DTY2457206020066	La Phương Thảo	HAYH K1	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
103	DTY2457206020070	Hoàng Thị Phương Thùy	HAYH K1	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
104	DTY2557206020013	Hà Mỹ Duyên	HAYH K2	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
105	DTY2557206020028	Đình Minh Hữu	HAYH K2	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
106	DTY2557206020031	Trần Đại Khương	HAYH K2	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
107	DTY2557206020048	La Thị Nguyệt Nhi	HAYH K2	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
108	DTY2257206010014	Hà Nguyễn Phương Dung	XNYH K6	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
109	DTY2257206010013	Triệu Kim Dung	XNYH K6	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
110	DTY2257206010012	Triệu Minh Đức	XNYH K6	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
111	DTY2257206010034	Lương Minh Khải	XNYH K6	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
112	DTY2257206010042	Nông Văn Luyện	XNYH K6	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
113	DTY2257206010052	Sùng Chư Phênh	XNYH K6	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
114	DTY2257206010063	Nông Thị Thu Yến	XNYH K6	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
115	DTY2357206010031	Lò Thị Sao	XNYH K7	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
116	DTY2457206010007	Giàng Thị Bla	XNYH K8	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
117	DTY2457206010038	Đoàn Khánh Linh	XNYH K8	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
118	DTY2557206010009	Vi Thùy Bảo Châm	XNYH K9	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
119	DTY2557206010013	Quàng Thị Linh Chi	XNYH K9	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
120	DTY2557206010024	Phạm Thị Ngọc Hân	XNYH K9	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
121	DTY2557206010031	Lộc Thị Phương Huệ	XNYH K9	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
122	DTY2557206010039	Hà Mai Loan	XNYH K9	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
123	DTY2157202010096	Ngô Việt Đức	Dược K17A	Cao lan - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
124	DTY2157202010226	Mông Thị Phòng	Dược K17A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
125	DTY2157202010255	Sinh A Súa	Dược K17A	H'mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
126	DTY2157202010304	Lò Văn Trường	Dược K17A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
127	DTY2157202010008	Hà Hương Dịu	Dược K17B	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
128	DTY2157202010160	Mùa Thị Liên	Dược K17B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
129	DTY2157202010286	Lường Thị Thu Thủy	Dược K17B	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
130	DTY2257202010099	Trần Thu Hương	Dược K18A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
131	DTY2257202010135	Đình Công Lực	Dược K18A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
132	DTY2257202010231	Nông Bế Quốc Tú	Dược K18A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
133	DTY2257202010207	Lò Thị Thiết	Dược K18A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
134	DTY2257202010228	Vàng A Trinh	Dược K18A	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
135	DTY2257202010005	Hoàng Thị Quỳnh Anh	Dược K18B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
136	DTY2257202010067	Toàn Thị Hạnh	Dược K18B	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
137	DTY2257202010103	Hoàng Thanh Huyền	Dược K18B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
138	DTY2257202010115	Hoàng Thị Hương Lan	Dược K18B	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
139	DTY2257202010130	Nông Thị Linh	Dược K18B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
140	DTY2257202010193	Lưu Trọng Tấn	Dược K18B	Nùng - Vùng ĐBK	140.000	6	840.000	
141	DTY2257202010208	Bế Hoài Thu	Dược K18B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
142	DTY2257202010041	Lò Minh Đức	Dược K18C	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
143	DTY2257202010098	Vũ Thanh Hương	Dược K18C	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
144	DTY2257202010083	Triệu Thị Hòa	Dược K18C	Dao - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
145	DTY2257202010185	Phùng Minh Quân	Dược K18C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
146	DTY2257202010182	Bùi Minh Quân	Dược K18C	Mường - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
147	DTY2257202010206	Đình Cao Thiên	Dược K18C	Tây - Vùng ĐBK	140.000	6	840.000	
148	DTY2357202010001	Hoàng Thị An	Dược K19A	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
149	DTY2357202010031	Nông Thị Chiêu	Dược K19A	Nùng - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
150	DTY2357202010046	Hoàng Tiến Dũng	Dược K19A	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
151	DTY2357202010052	Nông Ngọc An Duyên	Dược K19A	Tây - Vùng ĐBK	140.000	6	840.000	
152	DTY2357202010064	Phạm Thị Hằng	Dược K19A	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
153	DTY2357202010202	Sùng Thị Thu Trang	Dược K19A	Mông - Vùng ĐBK	140.000	6	840.000	
154	DTY2357202010080	Hoàng Thị Duyên Hồng	Dược K19B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
155	DTY2357202010098	Triệu Thị Lệ	Dược K19B	Dao - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
156	DTY2357202010134	Linh Quỳnh Nga	Dược K19B	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
157	DTY2357202010033	Hạng Thị Công	Dược K19C	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
158	DTY2357202010042	Đoàn Thị Mỹ Đình	Dược K19C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
159	DTY2357202010102	Hạng Thị Ngọc Linh	Dược K19C	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
160	DTY2357202010135	Sùng Thị Nga	Dược K19C	Mông - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
161	DTY2357202010138	Hoàng Hà Ngân	Dược K19C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
162	DTY2357202010150	Đình Bạch Nhất	Dược K19C	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
163	DTY2357202010180	Hà Thị Thanh Thảo	Dược K19C	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
164	DTY2457202010016	Hoàng Hà Bắc	Dược K20A	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
165	DTY2457202010043	Sĩ Sáng Duẩn	Dược K20A	Hoa - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
166	DTY2457202010037	Hoàng Tiến Đạt	Dược K20A	Nùng - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
167	DTY2457202010152	Giàng Thị Păng	Dược K20B	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
168	DTY2457202010212	Triệu Hoài Tuyển	Dược K20B	Dao - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
169	DTY2457202010176	Hoàng Minh Thảo	Dược K20B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
170	DTY2457202010075	Phan Bích Hồng	Dược K20C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
171	DTY2457202010177	Lò Thị Thảo	Dược K20C	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
172	DTY2457202010216	Mã Thị Vân	Dược K20C	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
173	DTY2457202010225	Lý Thị Yên	Dược K20C	Nùng - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
174	DTY2557202010058	Đình Thùy Dương	Dược K21A	Tây - Vùng ĐBK	140.000	6	840.000	
175	DTY2557202010106	Nguyễn Cúc Hương	Dược K21A	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
176	DTY2557202010002	Bàn Minh Anh	Dược K21B	Tây - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
177	DTY2557202010008	Hoàng Tuấn Anh	Dược K21B	Tây - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
178	DTY2557202010038	Hà Quỳnh Chi	Dược K21B	Tây - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
179	DTY2557202010113	Lò Thị Lan	Dược K21B	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
180	DTY2557202010137	Chèo Yêu Mây	Dược K21B	Dao - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
181	DTY2557202010188	Lò Thị Thu	Dược K21B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
182	DTY2557202010039	Hoàng Thị Quỳnh Chi	Dược K21C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
183	DTY2557202010150	Hoàng Trọng Nghiệp	Dược K21C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
184	DTY2557202010153	Lương Thảo Nguyên	Dược K21C	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
185	DTY2057205010008	Lương Thị Cờ	RHM K13	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
186	DTY2057205010036	Bàn Thu Liễu	RHM K13	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
187	DTY2057205010052	Sân Thị Oanh	RHM K13	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
188	DTY2057205010068	Đàm Thị Thủy	RHM K13	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
189	DTY2057205010072	Giàng A Tráng	RHM K13	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
190	DTY2057205010074	Hoàng Quý Trung	RHM K13	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
191	DTY2057205010078	Nguyễn Thị Vĩnh	RHM K13	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
192	DTY2057205010077	Chu Hải Yên	RHM K13	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
193	DTY2157205010009	Nông Thị Hợp	RHM K14A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
194	DTY2157205010098	Nguyễn Thị Tuyết	RHM K14A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
195	DTY2157205010035	Lê Diệp Linh	RHM K14B	Sán diu - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
196	DTY2157205010039	Cứ A Mông	RHM K14B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
197	DTY2157205010038	Hoàng Thị Hồng Nhung	RHM K14B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
198	DTY2257205010004	Ngô Phương Anh	RHM K15	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
199	DTY2257205010005	Vi Tuấn Anh	RHM K15	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
200	DTY2257205010007	Trần Gia Bảo	RHM K15	Pa hy - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
201	DTY2257205010008	Nguyễn Thị Diệu Bình	RHM K15	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
202	DTY2257205010009	Kiều Thị Chi	RHM K15	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
203	DTY2257205010012	Lục Thị Diễm	RHM K15	Giáy - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
204	DTY2257205010013	Bàn Thị Diệp	RHM K15	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
205	DTY2257205010014	Lường Chi Đình	RHM K15	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
206	DTY2257205010018	Dương Thị Hằng	RHM K15	Cao lan - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
207	DTY2257205010021	Hà Thị Thanh Hoa	RHM K15	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
208	DTY2257205010029	Chu Nhật Lệ	RHM K15	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
209	DTY2257205010032	Hồ Thị Mang	RHM K15	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
210	DTY2257205010033	Lương Hồng May	RHM K15	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
211	DTY2257205010037	Quảng Thị Mơ	RHM K15	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
212	DTY2257205010038	Nguyễn Hải Nam	RHM K15	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
213	DTY2257205010040	Đặng Thị Linh Ngọc	RHM K15	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
214	DTY2257205010042	Dương Thị Thảo Nguyên	RHM K15	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
215	DTY2257205010045	Mông Thị Hồng Nhung	RHM K15	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
216	DTY2257205010048	Vàng A Quy	RHM K15	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
217	DTY2257205010050	Nguyễn Thị Quỳnh	RHM K15	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
218	DTY2257205010057	Lò Văn Tuấn	RHM K15	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
219	DTY2257205010054	Vi Thị Anh Thư	RHM K15	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
220	DTY2357205010005	Lang Thị Chuyển	RHM K16	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
221	DTY2357205010036	Lê Hải Ly	RHM K16	Sán diu - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
222	DTY2357205010037	Trương Thị Mến	RHM K16	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
223	DTY2357205010043	Nguyễn Thị Nga	RHM K16	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
224	DTY2357205010065	Nguyễn Tố Uyên	RHM K16	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
225	DTY2357205010066	Lý Thị Thảo Vân	RHM K16	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
226	DTY2457205010020	Lương Tài	Đức	RHM K17A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
227	DTY2457205010035	Đình Quang	Hung	RHM K17A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
228	DTY2457205010065	Trần Thảo	Nguyên	RHM K17A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
229	DTY2457205010079	Hà Thu	Trang	RHM K17A	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
230	DTY2457205010080	Hứa Thùy	Trang	RHM K17A	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
231	DTY2457205010001	Đào Minh	Anh	RHM K17B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
232	DTY2457205010018	Nguyễn Ngọc	Diệp	RHM K17B	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
233	DTY2457205010042	Hoàng Thanh	Huyền	RHM K17B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
234	DTY2457205010044	Hoàng Trọng	Khá	RHM K17B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
235	DTY2457205010069	Chu Bảo	Quân	RHM K17B	Nùng - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
236	DTY2557205010038	Ma Trung	Kiên	RHM K18B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
237	DTY2557205010060	Lành Như	Quỳnh	RHM K18B	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
238	DTY2557205010070	Nông Thanh	Thảo	RHM K18B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
239	DTY2057201100018	Ma Thị	Hằng	YHDP K14	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
240	DTY2057201100034	Hoàng Phương	Linh	YHDP K14	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
241	DTY2057201100036	Hoàng Ngọc	Mai	YHDP K14	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
242	DTY2057201100051	Lò Văn	Tân	YHDP K14	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
243	DTY2257201100021	Quảng Thu	Hòa	YHDP K16	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
244	DTY2257201100035	Trần Thùy	Linh	YHDP K16	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
245	DTY2257201100075	Thào Việt	Vinh	YHDP K16	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
246	DTY2257201100078	Nông Yến	Vy	YHDP K16	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
247	DTY2357201100064	Ma Văn	Trà	YHDP K17	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
248	DTY2357201100070	Nguyễn Thị Hồng	Vân	YHDP K17	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
249	DTY2457201100015	Sông Thị Dênh	YHDP K18A	Mông - Thôn ĐBKk	140.000	6	840.000	
250	DTY2457201100033	Hoàng Trung Hiều	YHDP K18A	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
251	DTY2457201100071	Quảng Thị Hồng Na	YHDP K18A	Thái - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
252	DTY2457201100104	Hoàng Minh Tú	YHDP K18A	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
253	DTY2457201100110	Bùi Thị Thúy Vân	YHDP K18B	Mường - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
254	DTY2557201100115	Lương Thành Trung	YHDP K19A	Tây - Thôn ĐBKk	140.000	6	840.000	
255	DTY2557201100048	Nguyễn Thu Hiền	YHDP K19B	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
256	DTY2157201010071	Đinh Thị Ngọc Châm	K53A	Mường - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
257	DTY2057201010072	Mã Thị Châm	K53B	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
258	DTY2057201010137	Ngân Văn Duyệt	K53A	Thái - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
259	DTY2057201010164	Đinh Thị Thu Hà	K53A	Mường - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
260	DTY2057201010262	Hoàng Thu Huyền	K53A	Nùng - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
261	DTY2057201010243	Hoàng Thị Hương	K53A	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
262	DTY2057201010299	Lý Thùy Linh	K53A	Nùng - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
263	DTY2057201010335	Lý Xứ Lữ	K53A	Hà Nhi - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
264	DTY2057201010353	Đàm Thị Phương Máy	K53A	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
265	DTY2057201010366	Xông Y Mỹ	K53A	Mông - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
266	DTY2057201010425	Lê Thị Hồng Phúc	K53A	Thái - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
267	DTY2057201010452	Cà Ngọc Quang	K53A	Thái - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
268	DTY2057201010454	Lục Thị Quý	K53A	Thái - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
269	DTY2057201010466	Đỗ Hương Quỳnh	K53A	Mường - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
270	DTY2057201010605	Bùi Anh Tú	K53A	Tây - Xã ĐBKk	140.000	6	840.000	
271	DTY2057201010486	Nguyễn Phương Thanh	K53A	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
272	DTY2057201010494	Quàng Văn Thành	K53A	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
273	DTY2057201010522	Đình Thị Thu	K53A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
274	DTY2057201010538	Hoàng Thị Thúy	K53A	Hoa - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
275	DTY2057201010625	Mã Thị Uyên	K53A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
276	DTY2057201010630	Cao Đặng Thảo Vân	K53A	Thổ - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
277	DTY2057201010144	Hoàng Tiến Đạt	K53B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
278	DTY2057201010165	Hoàng Thị Thu Hà	K53B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
279	DTY2057201010261	La Thanh Huyền	K53B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
280	DTY2057201010306	Nguyễn Cao Linh	K53B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
281	DTY2057201010428	Tạ Tâm Phúc	K53B	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
282	DTY2057201010450	Lương Minh Quang	K53B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
283	DTY2057201010463	Đàm Thị Hương Quỳnh	K53B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
284	DTY2057201010464	Quàng Thị Quỳnh	K53B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
285	DTY2057201010534	Nông Minh Thuật	K53B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
286	DTY2057201010636	Vàng Thị Vên	K53B	Hmông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
287	DTY2057201010655	Vi Thị Hải Yến	K53B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
288	DTY2057201010148	Lò Văn Đình	K53C	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
289	DTY2057201010199	Trương Văn Hòa	K53C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
290	DTY2057201010309	Hoàng Thị Diệu Linh	K53C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
291	DTY2057201010349	Linh Thị Mai	K53C	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
292	DTY2057201010380	Đào Nguyễn Nghĩa	K53C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
293	DTY2057201010547	Hà Xuân Tiệp	K53C	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
294	DTY2057201010055	Bùi Thị Ngọc Ánh	K53D	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
295	DTY2057201010140	Lê Thị Anh Đào	K53D	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
296	DTY2057201010378	Lê Thị Minh Nghĩa	K53D	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
297	DTY2057201010402	Hoàng Thu Nguyệt	K53D	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
298	DTY2057201010613	Bế Tô Anh Tuấn	K53D	Tày - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
299	DTY2057201010582	Nông Thị Huyền Trang	K53D	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
300	DTY2057201010017	Lăng Nguyễn Hùng Anh	K53E	Lô lô - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
301	DTY2057201010068	Đặng Thị Cam	K53E	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
302	DTY2057201010100	Lò Thị Diên	K53E	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
303	DTY2057201010151	Bùi Tiến Đức	K53E	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
304	DTY2057201010174	Phùng Thị Hằng	K53E	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
305	DTY2057201010482	Nông Minh Thắng	K53E	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
306	DTY2057201010645	Hoàng Khánh Vũ	K53E	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
307	DTY2057201010092	Lý Văn Công	K53G	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
308	DTY2057201010076	Lâm Thùy Chi	K53G	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
309	DTY2057201010175	Nguyễn Thị Lệ Hằng	K53G	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
310	DTY2057201010284	Phạm Mai Lan	K53G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
311	DTY2057201010372	Triệu Thị Nga	K53G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
312	DTY2057201010444	Quân Trương Thảo Phương	K53G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
313	DTY2057201010478	Vàng Thị Thám	K53G	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
314	DTY2057201010483	Nguyễn Thành Thắng	K53G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
315	DTY2057201010590	Dương Minh Trí	K53G	Mông - Vùng ĐBKK	140.000	6	840.000	
316	DTY2057201010171	Nguyễn Thị Hải	K53H	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
317	DTY2057201010221	Lâm Thị Huệ	K53H	Sán chỉ - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
318	DTY2057201010440	Đặng Thị Thanh Phương	K53H	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
319	DTY2057201010487	Bùi Phương Thanh	K53H	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
320	DTY2057201010009	Lương Thị Quỳnh Anh	K53I	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
321	DTY2057201010059	Triệu Ngọc Ánh	K53I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
322	DTY2057201010086	Vàng Thị Chu	K53I	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
323	DTY2057201010120	Ma Thị Thùy Dương	K53I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
324	DTY2057201010302	Lò Thùy Linh	K53I	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
325	DTY2057201010327	Hà Thúy Loan	K53I	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
326	DTY2057201010336	Nông Hồng Lựa	K53I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
327	DTY2057201010430	Nông Thị Minh Phương	K53I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
328	DTY2057201010535	Bùi Thị Thương Thương	K53I	Mồ cô cha mẹ	100.000	6	600.000	
329	DTY2057201010090	Triệu Tiến Chuyên	K53K	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
330	DTY2057201010149	Lê Bá Đức	K53K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
331	DTY2057201010179	Hà Thu Hằng	K53K	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
332	DTY2057201010200	Lã Khánh Hoài	K53K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
333	DTY2057201010219	Nguyễn Thị Minh Huệ	K53K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
334	DTY2057201010253	Đinh Thị Thu Huyền	K53K	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
335	DTY2057201010277	Lê Thị Lam	K53K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
336	DTY2057201010289	Nguyễn Thị Hoa Lê	K53K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
337	DTY2057201010291	Lô Thị Thùy Linh	K53K	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
338	DTY2057201010516	Trần Thanh Thảo	K53K	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
339	DTY2057201010591	Trần Thị Ngọc Trinh	K53K	Hoa - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
340	DTY2057201010631	Điêu Thị Vân	K53K	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
341	DTY2057201010657	Hoàng Thị Yên	K53K	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
342	DTY2157201010516	Nguyễn Thị Thu Hằng	K54A	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
343	DTY2157201010312	Đinh Thị Thanh Huyền	K54A	Mường - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
344	DTY2157201010660	Hứa Thị Hoài Linh	K54A	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
345	DTY2157201010709	Đặng Thùy Ly	K54A	Dao - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
346	DTY2157201010290	Ngân Bá Ngọc	K54A	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
347	DTY2157201010186	Hoàng Thị Như Quỳnh	K54A	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
348	DTY20157201010140	Đinh Thị Mây	K54B	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
349	DTY2157201010880	Phạm Thị Lệ San	K54B	Hmông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
350	DTY2157201010313	Đàm Thị Thắm	K54B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
351	DTY2157201010301	Nông Thị Thúy	K54B	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
352	DTY2157201010329	Hà Hoàng Anh	K54C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
353	DTY2157201010825	Trương Thị Hồng Nhung	K54C	Mường - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
354	DTY2157201010830	Vàng Thị Oong	K54C	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
355	DTY2157201010833	Lý A Phong	K54C	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
356	DTY2157201010871	Lò Văn Quỳnh	K54C	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
357	DTY2157201010912	Trần Quốc Tuấn	K54C	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
358	DTY2157201010975	Ma Thị Thuận	K54C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
359	DTY2157201010976	Chu Thị Phương Thùy	K54C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
360	DTY2157201011043	Hà Thị Vân	K54C	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
361	DTY2157201010310	Đinh Gia Huy	K54D	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
362	DTY2157201011089	Hà Hoàng Huy	K54D	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
363	DTY2157201010774	Hoàng Thị Kim Ngân	K54D	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
364	DTY2157201010794	Lường Thị Bảo Ngọc	K54D	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
365	DTY2157201010289	Ma Thị Hồng Nhung	K54D	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
366	DTY2157201010172	Lò Phế Phông	K54D	Xạ Phang - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
367	DTY2157201010178	Hoàng Thị Cúc Phương	K54D	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
368	DTY2157201011088	Nguyễn Sơn Thái	K54D	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
369	DTY2157201010259	Lò Thị Thom	K54D	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
370	DTY2157201011002	Hà Quỳnh Trang	K54D	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
371	DTY2157201010489	Vi Hương Giang	K54E	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
372	DTY2157201010308	Lý Thị Thu Hà	K54E	Hmông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
373	DTY2157201010274	Hoàng Tùng Lâm	K54E	Nùng - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
374	DTY2157201010763	Tơ Thị Ninh	K54E	Cao lan - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
375	DTY2157201010775	Hoàng Thị Ngân	K54E	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
376	DTY2157201010155	Bùi Khánh Ngân	K54E	Mường - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
377	DTY2157201010795	Lường Thị Ngọc	K54E	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
378	DTY2157201010805	Trần Bình Nguyên	K54E	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
379	DTY2157201010815	Vũ Vân Nhi	K54E	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
380	DTY2157201010188	Hoàng Thùy Tâm	K54E	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
381	DTY2157201011003	Hoàng Phương Trang	K54E	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
382	DTY2157201010392	Nông Ngọc Châu	K54G	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
383	DTY2157201010066	Hà Thị Hằng	K54G	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
384	DTY2157201010525	Dương Thị Hiền	K54G	Tây - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
385	DTY2157201010097	Trần Thị Bích Huyền	K54G	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
386	DTY2157201010677	Nguyễn Thị Linh	K54G	Tây - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
387	DTY2157201010311	Phạm Đình Luân	K54G	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
388	DTY2157201010944	Nguyễn Phương Thảo	K54G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
389	DTY2157201010796	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K54G	Sán diu - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
390	DTY2157201010283	Nguyễn Thị Bích Phượng	K54G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
391	DTY2157201010058	Lý Thị Hà Giang	K54H	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
392	DTY2157201010526	Đỗ Thị Thu Hiền	K54H	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
393	DTY2157201010121	Dương Huyền Linh	K54H	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
394	DTY2157201010654	Đàm Diệu Linh	K54H	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
395	DTY2157201010704	Đình Công Luận	K54H	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
396	DTY2157201010751	Già Thị Mỹ	K54H	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
397	DTY2157201010766	Hà Hằng Nga	K54H	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
398	DTY2157201010285	Ngô Thị Phượng	K54H	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
399	DTY2157201010389	Sùng A Cha	K54I	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
400	DTY2157201010512	Lý Hào Hằng	K54I	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
401	DTY2157201010527	Lý Thị Hiền	K54I	Pà thên -Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
402	DTY2157201010080	Lường Thị Hòa	K54I	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
403	DTY2157201010267	Cao Đình Lương Khang	K54I	Sách - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
404	DTY2157201010127	Mùa Thị Linh	K54I	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
405	DTY2157201010264	Cao Thị Khánh Ly	K54I	Chứt - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
406	DTY2157201010876	Thân Nguyễn Như Quỳnh	K54I	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
407	DTY2157201011028	Trần Thị Trúc	K54I	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
408	DTY2157201010272	Ma Lê Anh Đức	K54K	Thổ - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
409	DTY2157201010481	Bàn Mùi Ghén	K54K	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
410	DTY2157201010106	Long Trường Khôi	K54K	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
411	DTY2157201010286	Lương Diệu Ly	K54K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
412	DTY2157201010887	Phạm Hồng Sơn	K54K	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
413	DTY2157201010292	Lưu Thị Biện	K54L	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
414	DTY2157201010413	Nông Thùy Dung	K54L	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
415	DTY2157201010276	Phạm Hương Giang	K54L	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
416	DTY2157201010061	Bàn Hoàng Thu Hà	K54L	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
417	DTY2157201010273	Lý Ngọc Hiền	K54L	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
418	DTY2157201010120	Dương Thùy Linh	K54L	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
419	DTY2157201010705	Nông Thị Hồng Luyện	K54L	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
420	DTY2157201010878	Vũ Diệu Quỳnh	K54L	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
421	DTY2157201011020	Triệu Thị Trang	K54L	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
422	DTY2157201010295	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	K54L	Sán diu - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
423	DTY2157201010314	Lò Hà Vy	K54L	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
424	DTY2157201010029	Hằng A Chùng	K54M	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
425	DTY2157201010480	Lý Thị Được	K54N	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
426	DTY2157201010307	Ma Thị Hà	K54N	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
427	DTY2157201010608	Bùi Trung Kiên	K54N	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
428	DTY2157201010280	Đỗ Diệu Linh	K54N	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
429	DTY2157201010135	Bé Thị Lý	K54N	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
430	DTY2157201010747	Lương Gia My	K54N	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
431	DTY2157201010281	Lâm Bảo Ngọc	K54N	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
432	DTY2257201010059	Lương Hà Bình	K55A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
433	DTY2257201010088	Lý Long Cương	K55A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
434	DTY2257201010091	Phàn Mạnh Cường	K55A	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
435	DTY2257201010261	Nông Thị Phương Hồng	K55A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
436	DTY2257201010291	Ma Thị Thu Hương	K55A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
437	DTY2257201010391	Nguyễn Đặng Quý Linh	K55A	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
438	DTY2257201010671	Hoàng Trung Tuấn	K55A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
439	DTY2257201010591	Lý Thị Thao	K55A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
440	DTY2257201010601	Triệu Thị Thảo	K55A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
441	DTY2257201010621	Tràng Thị Thương	K55A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
442	DTY2257201010641	Linh Kiều Trang	K55A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
443	DTY2257201010032	Nguyễn Văn Anh	K55B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
444	DTY2257201010042	Đình Thị Ngọc Ánh	K55B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
445	DTY2257201010062	Lâm Thị Chanh	K55B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
446	DTY2257201010172	Vy Thị Hương Giang	K55B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
447	DTY2257201010212	Hoàng Thị Hiền	K55B	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
448	DTY2257201010232	Trần Minh Hiếu	K55B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
449	DTY2257201010300	Hà Thị Huyền	K55B	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
450	DTY2257201010322	Bé Anh Khôi	K55B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
451	DTY2257201010332	Nguyễn Hoàng Lâm	K55B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
452	DTY2257201010362	Hoàng Thị Hoài Linh	K55B	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
453	DTY2257201010402	Sầm Thị Hồng Lương	K55B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
454	DTY2257201010472	Lường Văn Nghiệp	K55B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
455	DTY2257201010492	Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt	K55B	Hoa - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
456	DTY2257201010502	Phạm Yến Nhi	K55B	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
457	DTY2257201010542	Hoàng Thị Phương	K55B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
458	DTY2257201010672	Lê Anh Tuấn	K55B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
459	DTY2257201010113	Châu Minh Duân	K55C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
460	DTY2257201010133	Ma Doãn Dũng	K55C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
461	DTY2257201010153	Lò Thị Hồng Duy	K55C	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
462	DTY2257201010143	Nguyễn Thùy Dương	K55C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
463	DTY2257201010193	Cà Thị Hằng	K55C	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
464	DTY2257201010213	Lò Thị Thu Hiền	K55C	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
465	DTY2257201010243	Cao Anh Hoàn	K55C	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
466	DTY2257201010323	Sộng Thị Khua	K55C	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
467	DTY2257201010423	Hoàng Công Mạnh	K55C	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
468	DTY2257201010543	Châu Seo Plấy	K55C	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
469	DTY2257201010540	Lãnh Thị Mai Phương	K55C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
470	DTY2257201010613	Ma Thị Thu	K55C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
471	DTY2257201010054	Bàn Quang Bình	K55D	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
472	DTY2257201010204	Toán Hồng Hạnh	K55D	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
473	DTY2257201010279	Nông Mạnh Hưng	K55D	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
474	DTY2257201010314	Châu Văn Khải	K55D	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
475	DTY2257201010514	Đình Công Nội	K55D	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
476	DTY2257201010584	Đình Sầm Mạnh Thành	K55D	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
477	DTY2257201010624	Đàm Diệu Thúy	K55D	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
478	DTY2257201010105	Luân Thị Thùy Diễm	K55E	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
479	DTY2257201010305	Lò Thị Thương	Huyền	K55E	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000
480	DTY2257201010397	Lương Thị	Lộc	K55E	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
481	DTY2257201010495	Lăng Thị	Nhâm	K55E	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
482	DTY2257201010555	Hoàng Thị	Quyên	K55E	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
483	DTY2257201010685	Ma Thị	Tuyết	K55E	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
484	DTY2257201010655	Đinh Hồng	Trang	K55E	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
485	DTY2257201010715	Poọng Thị Hải	Yến	K55E	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
486	DTY2257201010036	Đinh Thị Nguyệt	Ánh	K55G	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
487	DTY2257201010086	Lương Kim	Cúc	K55G	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
488	DTY2257201010096	Nguyễn Thị Hương	Danh	K55G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
489	DTY2257201010158	Hoàng Việt	Duy	K55G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
490	DTY2257201010166	Bùi Mỹ	Duyên	K55G	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000
491	DTY2257201010126	Triệu Minh	Đức	K55G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
492	DTY2257201010186	Tô Thanh	Hà	K55G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
493	DTY2257201010206	Lò Khánh	Hào	K55G	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
494	DTY2257201010196	Lương Thị Thu	Hằng	K55G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
495	DTY2257201010216	Quàng Thị Thanh	Hiền	K55G	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
496	DTY2257201010256	Nông Thị	Hội	K55G	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
497	DTY2257201010398	Vũ Thắng	Lợi	K55G	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
498	DTY2257201010446	Gia Đức	Minh	K55G	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
499	DTY2257201010486	Hà Mạnh	Nguyên	K55G	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000
500	DTY2257201010536	Quàng Văn	Phương	K55G	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000
501	DTY2257201010596	Mã Thị	Thảo	K55G	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
502	DTY2257201010616	Ma Công Thức	K55G	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
503	DTY2257201010656	Lô Thị Thùy Trang	K55G	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
504	DTY2257201010706	Kim Lâm Vỹ	K55G	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
505	DTY2257201010087	Lưu Thị Hương Cúc	K55H	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
506	DTY2257201010167	Lò Thị Quỳnh Duyên	K55H	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
507	DTY2257201010097	Hoàng Thị Đào	K55H	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
508	DTY2257201010116	Lữ Trung Đức	K55H	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
509	DTY2257201010257	Bùi Hoa Hồng	K55H	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
510	DTY2257201010287	Diệp Thị Quỳnh Hương	K55H	Sán diu - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
511	DTY2257201010327	Lục Bích Kiều	K55H	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
512	DTY2257201010597	Nông Thu Thảo	K55H	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
513	DTY2257201010647	Nguyễn Thùy Trang	K55H	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
514	DTY2257201010657	Nông Thị Hiền Trinh	K55H	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
515	DTY2257201010707	Cháng Thị Xuân	K55H	Hmông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
516	DTY2257201010048	Quàng Thị Bằng	K55I	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
517	DTY2257201010288	Nông Thị Dương Hường	K55I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
518	DTY2257201010508	Hoàng Bích Nhung	K55I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
519	DTY2257201010558	Lò Như Quỳnh	K55I	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
520	DTY2257201010598	Oàng Phương Thảo	K55I	Hoa - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
521	DTY2257201010039	Ma Thị Ngọc Ánh	K55K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
522	DTY2257201010139	Lâu Ánh Dương	K55K	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
523	DTY2257201010589	Trần Viết Thành	K55K	Mồ côi cha mẹ	100.000	6	600.000	
524	DTY2257201010689	Trần Thị Chúc Vân	K55K	Dao - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
525	DTY2257201010070	Phạm Linh Chi	K55L	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
526	DTY2257201010190	Đàm Thị Ngọc Hân	K55L	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
527	DTY2257201010500	Lù Yên Nhi	K55L	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
528	DTY2257201010570	Đình Thị Thanh Tâm	K55L	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
529	DTY2257201010600	Vũ Thị Thanh Thảo	K55L	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
530	DTY2357201010121	Thào Thị Dung	K56A	H'mông -Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
531	DTY2357201010097	Hoàng Cẩm Đào	K56A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
532	DTY2357201010321	Hà Hoài Linh	K56A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
533	DTY2357201010393	Đặng An Na	K56A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
534	DTY2357201010449	Lộc Thị Kiều Oanh	K56A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
535	DTY2357201010513	Nông Thu Thảo	K56A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
536	DTY2357201010569	Hà Trường Trang	K56A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
537	DTY2357201010561	Bế Ngọc Trâm	K56A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
538	DTY2357201010617	Đỗ Thu Vân	K56A	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
539	DTY2357201010633	Châu Thanh Xuân	K56A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
540	DTY2357201010074	Nguyễn Bảo Châm	K56B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
541	DTY2357201010106	Nguyễn Ngọc Diệu	K56B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
542	DTY2357201010114	Hà Thị Thu Dung	K56B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
543	DTY2357201010122	Vàng Thị Dung	K56B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
544	DTY2357201010514	Triệu Ngọc Thảo	K56B	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
545	DTY2357201010538	Nguyễn Quang Thường	K56B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
546	DTY2357201010634	Vi Thị May Xuyên	K56B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
547	DTY2357201010123	Bùi Tiến Dũng	K56C	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
548	DTY2357201010147	Giàng Thị Duyên	K56C	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
549	DTY2357201010107	Sùng A Đông	K56C	H'mông -Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
550	DTY2357201010267	Lục Thị Huyền	K56C	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
551	DTY2357201010251	Phạm Thị Hương	K56C	Nùng - Vùng ĐBK	140.000	6	840.000	
552	DTY2357201010443	Ma Tuyết Nhung	K56C	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
553	DTY2357201010340	Phùng Thị Khánh Linh	K56D	Nùng - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
554	DTY2357201010388	Lường Thị Trà My	K56D	Thái - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
555	DTY2357201010540	Chu Thanh Thủy	K56D	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
556	DTY2357201010612	Hà Khánh Uyên	K56D	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
557	DTY2357201010421	Đổng Sỹ Nguyên	K56E	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
558	DTY2357201010477	Lý Lệ Quyên	K56E	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
559	DTY2357201010541	Hoàng Thị Thủy	K56E	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
560	DTY2357201010533	La Quỳnh Thư	K56E	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
561	DTY2357201010573	Lò Thị Trang	K56E	Thái - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
562	DTY2357201010022	Lý Hải Anh	K56G	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
563	DTY2357201010110	Lê Minh Đức	K56G	Mường - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
564	DTY2357201010190	Trương Lễ Hằng	K56G	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
565	DTY2357201010446	Vừ Thị Nu	K56G	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
566	DTY2357201010486	Vừ Thị Sậy	K56G	H'mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
567	DTY2357201010494	Chớ Vàng Su	K56G	Mông - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
568	DTY2357201010574	Lường Hoàng Hoài Trang	K56G	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
569	DTY2357201010143	Nguyễn Khánh Duy	K56H	Tày - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
570	DTY2357201010295	Bàn Mùi Khe	K56H	Dao - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
571	DTY2357201010319	Đinh Thị Diệu Linh	K56H	Mường - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
572	DTY2357201010311	Bùi Thị Ngọc Linh	K56H	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
573	DTY2357201010415	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	K56H	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
574	DTY2357201010471	Lường Thị Kim Phượng	K56H	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
575	DTY2357201010639	Lò Hải Yến	K56H	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
576	DTY2357201010080	Lê Thị Kim Chi	K56I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
577	DTY2357201010224	Hứa Thị Thanh Hoài	K56I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
578	DTY2357201010280	Nông Khánh Huyền	K56I	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
579	DTY2357201010360	Đường Thị Vân Ly	K56I	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
580	DTY2357201010400	Đoàn Thị Kim Nga	K56I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
581	DTY2357201010424	Dương Thị Nguyệt	K56I	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
582	DTY2357201010472	Hoàng Trần Anh Quân	K56I	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
583	DTY2457201010025	Nguyễn Hồng Anh	K57A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
584	DTY2457201010114	Sùng Thị Du	K57A	H'mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
585	DTY2457201010174	Phạm Ngọc Hà	K57A	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
586	DTY2457201010362	Cổng Thị Phương Ly	K57A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
587	DTY2457201010002	Đinh Thị Thanh An	K57B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
588	DTY2457201010018	Lâm Ngọc Châu Anh	K57B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
589	DTY2457201010674	Lý Thị Vân Anh	K57B	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
590	DTY2457201010219	Lê Việt Hoàng	K57B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
591	DTY2457201010267	Ma Thị Thu Huyền	K57B	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
592	DTY2457201010339	Nguyễn Thu Linh	K57B	Cao lan - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
593	DTY2457201010531	Xa Tuấn Thành	K57B	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
594	DTY2457201010212	Hơ Thị Hoa	K57C	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
595	DTY2457201010228	Hoàng Thị Bích Hợp	K57C	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
596	DTY2457201010460	Nguyễn Yên Nhi	K57C	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
597	DTY2457201010500	Mùi Như Quỳnh	K57C	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
598	DTY2457201010620	Hoàng Đình Trọng	K57C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
599	DTY2457201010668	Hoàng Hải Yên	K57C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
600	DTY2457201010078	Phàn Văn Chúc	K57D	Dao - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
601	DTY2457201010157	Nguyễn Hương Giang	K57D	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
602	DTY2457201010237	Nguyễn Tuấn Hùng	K57D	Mồ cô cha mẹ	100.000	6	600.000	
603	DTY2457201010301	Đoàn Trung Kiên	K57D	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
604	DTY2457201010517	Lò Trọng Tấn	K57D	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
605	DTY2457201010661	Lò Tiểu Vy	K57D	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
606	DTY2457201010358	Hoàng Thị Lụa	K57E	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
607	DTY2457201010470	Riêu Thị Quỳnh Nương	K57E	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
608	DTY2457201010064	Nguyễn Thanh Bình	K57G	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
609	DTY2457201010375	Nguyễn Thị Ngọc Mai	K57G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
610	DTY2457201010495	Đình Phú Quý	K57G	Mường - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
611	DTY2457201010232	Lò Thị Huệ	K57H	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
612	DTY2457201010129	Vàng Thúy Dung	K57I	HMông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
613	DTY2457201010297	Thào A Khu	K57I	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
614	DTY2457201010593	Triệu Ngọc Trâm	K57I	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
615	DTY2457201010026	Nguyễn Ngọc Anh	K57K	Tày - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
616	DTY2457201010646	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	K57K	Thái - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
617	DTY2457201010660	Nguyễn Văn Vũ	K57K	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
618	DTY2557201010627	Hứa Mai Anh	K58A	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
619	DTY2557201010244	Nguyễn Thu Huyền	K58A	La Chí - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
620	DTY2557201010415	Hoàng Hồng Nhung	K58A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
621	DTY2557201010469	Đặng Thái Sơn	K58A	Cao lan - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
622	DTY2557201010621	Và Bá Xà	K58A	H'mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
623	DTY2557201010038	Phương Lý Tiểu Anh	K58B	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
624	DTY2557201010090	Thào A Dờ	K58B	Mông - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
625	DTY2557201010263	Lưu Thị Mai Hương	K58B	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
626	DTY2557201010626	Vy Thị Bảo Yên	K58B	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
627	DTY2557201010219	Chu Ngọc Huế	K58C	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
628	DTY2557201010228	Phàng Tuấn Hùng	K58C	Mông - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
629	DTY2557201010266	Nguyễn Tuấn Khải	K58C	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
630	DTY2557201010355	Nguyễn Chu Minh	K58D	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
631	DTY2557201010445	Nông Việt Quang	K58D	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
632	DTY2557201010149	Hà Trường Giang	K58E	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
633	DTY2557201010383	Hoàng Minh Ngọc	K58E	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
634	DTY2557201010590	Phùng Quang Tùng	K58E	Dao - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
635	DTY2557201010168	Lục Thúy Hạnh	K58G	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
636	DTY2557201010288	Nông Thị Hương Lan	K58G	Tây - Xã ĐBKK	140.000	6	840.000	
637	DTY2557201010366	Long Thiên Mỹ	K58G	Nùng - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
638	DTY2557201010420	Quàng Thị Như	K58G	Thái - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	
639	DTY2557201010483	Hoàng Phương Thanh	K58G	Tây - Thôn ĐBKK	140.000	6	840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng	Ghi chú
640	DTY2557201010510	Nguyễn Đức Thắng	K58G	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
641	DTY2557201010430	Mã Đình Phong	K58H	Nùng - Xã ĐBK	140.000	6	840.000	
642	DTY2557201010179	Nguyễn Thu Hiền	K58I	Tây - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
643	DTY2557201010188	Đình Trọng Hiếu	K58I	Mường - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
644	DTY2557201010242	Lò Thị Huyền	K58I	Thái - Thôn ĐBK	140.000	6	840.000	
		Tổng					537.840.000	

Ấn định danh sách gồm 644 sinh viên với tổng số tiền là năm trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng./.